



# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRONG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ XA

• **ThS. TRINH THANH HÀ**  
Viện Đại học Mở Hà Nội

## 1. Giới thiệu

Đào tạo đại học từ xa (ĐTĐHTX) là một phương thức giáo dục đại học (GDĐH) dựa vào công nghệ, đặt trọng tâm vào yếu tố người học, hướng tới một cơ chế đào tạo mềm dẻo và linh hoạt, giúp người học có thể học tập ở mọi nơi, mọi lúc, học thường xuyên, học suốt đời và xây dựng một xã hội học tập. Với những lợi thế của mình, trong vài thập kỉ gần đây, ĐTĐHTX (distance higher education mode) đã có những bước nhảy vọt về về quy mô sinh viên. Hàng loạt cơ sở ĐTĐHTX, trong đó có các 'siêu' đại học (trường đại học có từ 100.000 học viên trở lên) đã hình thành và phát triển ở hầu hết các nước trên thế giới, đang cung cấp GDĐH cho hàng triệu người, đặc biệt là người lớn tuổi đang làm việc, ở vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo.

Sự tăng trưởng đột biến về quy mô sinh viên của các cơ sở ĐTĐHTX trong vài thập kỉ gần đây đã khiến cho các bên liên đới (Nhà nước, người học, người sử dụng lao động và toàn bộ xã hội) quan tâm nghiêm túc đến chất lượng đào tạo. Các bên liên đới muốn biết cơ sở ĐTĐHTX đang làm những gì? Làm như thế nào? Làm tốt đến mức nào để bảo đảm sản phẩm đầu ra (người tốt nghiệp) đạt được chất lượng như đã thiết kế.

Đến nay đã xuất hiện nhiều ý kiến tranh luận về vấn đề bảo đảm chất lượng (BĐCL) trong ĐTĐHTX. Một số người cho rằng những phương pháp BĐCL trong ĐTĐHTX nhất thiết phải giống như trong GDĐH truyền thống. Những người khác lại cho rằng ĐTĐHTX là thử nghiệm các giả định của GDĐH truyền thống. Do vậy, những phương pháp BĐCL trong GDĐH

truyền thống hiện nay không đủ để thực hiện việc BĐCL trong ĐTĐHTX. Bài viết này sẽ nhấn mạnh vào các khía cạnh khác biệt của ĐTĐHTX so với GDĐH truyền thống vốn đã tồn tại hàng trăm năm nay, và BĐCL trong ĐTĐHTX phải được tiếp cận bằng những phương pháp khác.

## 2. Phương thức GDĐH truyền thống và phương thức ĐTĐHTX

GĐĐH được triển khai bởi nhiều phương thức khác nhau. GDĐH theo phương thức "mặt giáp mặt" (face-to-face mode) hay phương thức "đào tạo qua phòng học" (classroom mode), vốn có từ hàng trăm năm nay, được gọi là GDĐH truyền thống.

GĐĐH mà yếu tố người dạy và người học không "mặt giáp mặt" trong cùng không gian và/hoặc thời gian, và phải có sự trao đổi thông tin hai chiều một cách thường xuyên, liên tục giữa thầy và trò; trò và trò; trò và cơ sở đào tạo dưới hình thức nào đó được gọi là ĐTĐHTX (distance mode). ĐTĐHTX diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau và không nhất thiết phải dùng phương tiện điện tử. Tuy nhiên, sự phát triển công nghệ đã tạo điều kiện cho ĐTĐHTX nổi lên như một xu hướng giáo dục toàn cầu.

Nhờ việc phát triển mạng internet, ảnh hưởng của ĐTĐHTX không còn bị hạn chế trong một quốc gia. Sự phát triển ĐTĐHTX ở bất kỳ quốc gia nào cũng tác động tới viễn cảnh GDĐH thế giới. Dưới đây là một số khác biệt của ĐTĐHTX so với GDĐH truyền thống (xem bảng 1).

## 3. Các hình thức ĐTĐHTX

Các hình thức ĐTĐHTX hiện đang được sử dụng phổ biến trên thế giới bao gồm:

**Bảng 1: So sánh đặc điểm khác biệt của ĐTĐHTX và GDDH truyền thống**

| GDDH Truyền thống                        | ĐTĐHTX  | Khác biệt của ĐTĐHTX so với GDDH truyền thống  |
|--|---|--|
| Đóng kín, cứng nhắc                      | Mở, mềm dẻo<br>Học qua mạng: học ở mọi lúc, mọi nơi, ai cũng học được   | Thay đổi tâm lí người học;<br>Cấu trúc hóa cả về hệ thống giáo dục lẫn nội dung;<br>Giáo viên trở thành người tư vấn hơn là người dạy dỗ;<br>Tiêu chuẩn chất lượng mới;<br>Quốc tế hóa và hợp tác quốc tế. |
| Phân cắt rời rạc các trường và các ngành | Nối mạng giáo dục giữa các trường với nhau.<br>Sự hội tụ giao thoa giữa các ngành cũng như với công nghệ thông tin và truyền thông. |  |
| Học trong một khoảng thời gian           | Học suốt đời  |  |
| Tập trung vào thi cử                     | Tập trung vào chất lượng con người, nâng cao dân trí  |  |

Nguồn: Quách Tuấn Ngọc (2001), *Một số vấn đề đổi mới giáo dục đại học bằng công nghệ thông tin và truyền thông*, Tài liệu hội nghị GDDH, 3, tr. 239.

a) ĐTĐHTX truyền thống (traditional distance higher education), trong đó tài liệu in, băng hình, băng tiếng, phát thanh, truyền hình và một vài buổi phụ đạo tập trung được sử dụng.

b) ĐTĐHTX qua mạng (e-learning), trong đó internet được sử dụng làm phương tiện chuyển tải chủ yếu.

c) ĐTĐHTX hỗn hợp, trong đó có sự phối hợp chặt chẽ giữa phương thức ĐTĐHTX truyền thống và ĐTĐHTX qua mạng.

#### 4. Mối quan tâm về chất lượng ĐTĐHTX

Hiện đang diễn ra nhiều tranh luận về lí thuyết chất lượng, những gì tạo thành chất lượng và làm thế nào để bảo đảm được nó trong ĐTĐHTX.

Những người ủng hộ ĐTĐHTX tranh cãi rằng ĐTĐHTX là thay đổi cách tiếp cận, tăng thêm cơ hội học tập, là chi phí học tập cạnh tranh, là những ưu thế không phải rời gia đình hay nơi làm việc để đi học, là cuộc cạnh tranh lành mạnh làm cho các khóa học có chất lượng.v.v... Tuy nhiên, trên thực tế, sự thiếu thốn các dịch vụ hỗ trợ sinh viên và sự thiếu vắng yếu tố tương tác giữa thầy và trò, trò và trò cũng là những vấn đề đáng phải quan tâm. Dĩ nhiên, những người ủng hộ ĐTĐHTX gạt bỏ những nghi ngại này bằng cách làm cho những người khác nhớ đến tình cảnh ở các lớp học GDDH truyền

thống nơi mà hàng trăm sinh viên ngồi trong các giảng đường rộng lớn với bầu không khí phi trí tuệ không có một chút tương tác nào với giảng viên. Họ khẳng định rằng, ĐTĐHTX cũng giống như bất kì phương thức đào tạo truyền thống nào khác; nó có thể được thực hiện tốt hay không tốt. Những người ủng hộ ĐTĐHTX cho rằng nó sẽ tốt như đào tạo truyền thống nếu như nó được thực hiện đúng cách.

#### 5. Quan niệm về BĐCL trong GDDHTX

Thuật ngữ BĐCL trong ĐTĐHTX có thể được hiểu rất khác nhau. Trong bài viết này BĐCL được hiểu là: "Các hoạt động có kế hoạch được thực hiện với mục đích duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo hơn là chỉ đơn thuần đánh giá" (Jung, 2004b: 6),

BĐCL trong ĐTĐHTX tạo điều kiện công nhận các tiêu chuẩn văn bằng, phục vụ mục đích giải trình với xã hội, giúp sinh viên đưa ra lựa chọn thông minh, góp phần cải thiện các quá trình dạy học và quản lí, và giúp phổ biến những việc làm cụ thể để đạt tới mục tiêu cải thiện toàn diện hệ thống ĐTĐHTX (Harman, 2000 tr.2).

#### 6. Những đặc điểm của BĐCL trong ĐTĐHTX

Sự thâm nhập của công nghệ vào tất cả các phương thức đào tạo đã làm cho những nét khác



biệt giữa chúng trở nên mờ nhạt. Các phương thức đào tạo dường như đang quy tụ thành một hệ thống đào tạo thuận lợi và mềm dẻo hơn. Bằng các hệ thống cung cấp qua mạng và các phương pháp dùng cho cả sinh viên học tại trường (on-campus students) và sinh viên học xa trường (off-campus students), ĐTDHTX và GDĐH truyền thống đang có xu hướng tích hợp với nhau (convergence). Ngày nay, sinh viên học tại trường có thể học một phần chương trình hay các khóa đào tạo qua mạng. Sự kết hợp này đã thu hẹp khoảng cách giữa sinh viên học tại trường và sinh viên học xa trường.

Trên thực tế, bản chất “mọi nơi, mọi lúc” của ĐTDHTX có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới công việc đào tạo của trường đại học ở các nước nơi mà các khóa đào tạo qua mạng đã trở nên phổ biến. Một số trường đại học loan báo rằng các khóa đào tạo qua mạng của họ rẻ hơn và khuyến khích sinh viên giành một số tín chỉ từ các khóa học này. Những văn bằng do trường đại học George Washington và các trường đại học khác của Mỹ cấp không phân biệt sinh viên học tập trung hay từ xa. Từ mấy thập kỷ nay, các trường đại học danh tiếng của Úc trao cùng một loại văn bằng tốt nghiệp cho sinh viên, không phân biệt hình thức đào tạo. Ở Anh Quốc, bằng tốt nghiệp đại học Mở được công nhận là tiêu biểu cho nền giáo dục khắt khe của nước này.

Về phương pháp luận BĐCL, ngày càng có sự nhất trí với quan điểm rằng phương pháp luận cơ bản của BĐCL là giống nhau cho cả ĐTDHTX và GDĐH truyền thống. Brennan & Shah (2000) sử dụng thuật ngữ ‘bảo đảm chất lượng’ (quality assurance), các phương pháp và thành tố thông thường của nó là: 1) Cơ quan điều hành quốc gia; 2) Tự đánh giá của trường đại học; 3) Đánh giá từ bên ngoài trường đại học bởi các đồng nghiệp; và 4) Công bố báo cáo.

Quy trình BĐCL trong ĐTDHTX cũng được thực hiện cơ bản như GDĐH truyền thống. Để liên tục nâng cao chất lượng đào tạo của mình và tăng cường trách nhiệm giải trình với các bên

liên đới, các cơ sở ĐTDHTX bắt đầu từ hoạt động quản lý chất lượng bên trong, tiếp theo là hoạt động tự đánh giá chất lượng, sau đó là hoạt động đánh giá ngoài (đánh giá đồng nghiệp).

Tuy nhiên, BĐCL trong ĐTDHTX có sự thay đổi về phạm vi, lĩnh vực, tiêu chí, chỉ số thực hiện v.v... so với GDĐH truyền thống. Khi cơ sở ĐTDHTX xây dựng chỉ số thực hiện về các lĩnh vực đánh giá cần lưu ý tới những điểm khác biệt của ĐTDHTX như vai trò của giảng viên, việc quản lý khoá học, thư viện và nguồn học liệu đòi hỏi tiếp cận với điện tử nhiều hơn. Học liệu được cung cấp dưới dạng nghe nói, nghe nhìn và nguyên bản theo tốc độ học tập của học viên.

Do đó, không thể áp đặt rập khuôn các lĩnh vực, tiêu chí, chỉ số thực hiện của GDĐH truyền thống vào ĐTDHTX. Ví dụ, trường hợp xảy ra ở Ấn Độ, Hội đồng Quốc gia Đào tạo Giáo viên yêu cầu về tỉ lệ sinh viên/giảng viên và một số khía cạnh khác đối với các chương trình ĐTDHTX. Các cơ sở ĐTDHTX, nơi có hàng ngàn giáo sinh, không thể tuân theo được những yêu cầu đó, và có nhiều yêu cầu đã làm gián đoạn các chương trình đào tạo giáo viên của họ.

Khác với những gì đã xảy ra ở Ấn Độ, Viện chính sách GDĐH Hoa Kỳ đã đưa ra 24 chuẩn mực bao trùm 7 lĩnh vực được cho là cần thiết để đạt được chất lượng cao trong ĐTDHTX dựa vào internet: trợ giúp về thể chế; hỗ trợ học viên; hỗ trợ giảng viên; phát triển khóa học; dạy và học; cấu trúc khóa học; kiểm tra và đánh giá (IHEP, 2000). Với sự quan tâm ngày càng tăng của chính quyền liên bang và các tiểu bang về BĐCL trong ĐTDHTX, các cơ quan kiểm định chất lượng địa phương hợp tác với Hội đồng Kiểm định GDĐH (CHEA) điều chỉnh các chuẩn mực của họ để đưa ĐTDHTX và các khóa học qua mạng vào quy trình đánh giá. Các cơ quan kiểm định chất lượng địa phương đồng ý một số chuẩn mực đánh giá các chương trình cung cấp qua mạng. Các chuẩn mực này bao trùm 5 lĩnh vực chính: bối cảnh và cam kết thực hiện thể chế; chương trình và hướng dẫn; hỗ trợ sinh viên; hỗ trợ giảng

viên; kiểm tra và đánh giá (C-RAC, 2000).

Tại Anh Quốc, những hướng dẫn mới về ĐTDHTX được ban hành bởi Cơ quan Bảo đảm Chất lượng (Quality Assurance Agency). Những hướng dẫn này bao gồm sáu đề mục: (1) Thiết kế hệ thống; (2) Thiết kế chương trình; (3) Quản lý phân phối chương trình; (4) Hỗ trợ và phát triển học viên; (5) Đại diện và trao đổi thông tin với học viên; (6) Đánh giá học viên. Mỗi đề mục đều liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu BĐCL trong ĐTDHTX (QAA, 2002).

Trong ĐTDHTX, người học có trách nhiệm cao hơn trong việc quản lý và định hướng quá trình học tập của mình, cho nên đặt trọng tâm đánh giá người học ở yếu tố đầu vào và/hoặc đầu ra là không phù hợp, mà khi đó trọng tâm phải chuyển sang yếu tố quá trình và đầu ra. Các nguyên tắc chỉ đạo ĐTDHTX trong xã hội học tập đề nghị các lĩnh vực chủ yếu chú trọng nhiều hơn vào việc hỗ trợ học tập và kết quả học tập: thiết kế đào tạo, hỗ trợ người học, cam kết của tổ chức, kết quả học tập và công nghệ đào tạo (ACE, 1996).

Hoạt động "thăm trường" của các đoàn đánh giá đồng nghiệp trong ĐTDHTX có nhiều thay đổi. "Thăm trường" trong ĐTDHTX được June Lester nêu ra năm 1991 vẫn còn giữ nguyên giá trị – "Làm thế nào mà chuyển dịch được quá trình đánh giá từ một môi trường tập trung ổn định như gạch và vữa sang quá trình đánh giá một môi trường phân tán, một người ở phòng khách, còn người kia ở dưới bếp? "Việc thu thập thông tin qua hoạt động 'thăm trường' được thực hiện như thế nào trong ĐTDHTX? Một trong những cách thực hiện việc này là thông qua thư điện tử, hội thảo nối mạng, truyền hình 2 chiều và điện thoại. Thành viên của đoàn đánh giá đồng nghiệp có thể trao đổi qua thư điện tử mà không cần phải rời khỏi nhà hay công sở và có thể đưa ra đánh giá về tính hiệu quả của việc trao đổi thông tin. Làm như thế đã đầy đủ và phù hợp chưa? Các nhà cung ĐTDHTX phối hợp với nhau tốt đến mức nào để đương đầu với đánh

giá theo cách này? Các đồng nghiệp được huấn luyện tốt đến mức nào để đánh giá các trường đại học theo cách "mới" này? Các cách đánh giá của Hiệp hội các trường đại học Miền Bắc (NCACS) và Hội đồng giáo dục từ xa (DTEC) của Mĩ cũng đáng để lưu tâm. Để đánh giá trường đại học Quốc tế Jones, đoàn thẩm định NCACS sử dụng phương thức qua mạng. DETC tiến hành một khảo sát trên diện rộng với hàng trăm cơ quan và tổ chức bằng việc trao đổi thông tin trực tuyến. Mặt khác, DETC còn khảo sát sinh viên mà tên của họ được lựa chọn ngẫu nhiên để lấy ý kiến thông qua thư điện tử. Ở những nước nơi mà các hình thức đào tạo mới được công nhận rộng rãi thì "thăm trường" không gặp khó khăn. Nhưng ở những nước đang phát triển, nơi mà các hình thức đào tạo mới vừa mới xuất hiện, thì định nghĩa lại việc "thăm trường" là vấn đề cần thiết.

Hoạt động đánh giá chất lượng ĐTDHTX có xu hướng xem xét ở khâu sản xuất giáo trình khóa học mặc dù chất lượng ĐTDHTX là tổng thể các yếu tố cấu thành quá trình ĐTDHTX. Như thế, đánh giá chất lượng sản phẩm ĐTDHTX tương đối dễ dàng. Giáo trình khoá học, thường là phương tiện học tập chủ yếu của học viên, là vật hữu hình và rõ ràng để học viên và các bên quan tâm đánh giá. Tuy nhiên, chất lượng ĐTDHTX gồm nhiều lĩnh vực như: các sản phẩm, các quá trình sư phạm, hệ thống sản xuất và phân phối, triết lý giáo dục (COL, 1997).

Thật vậy, đánh giá chất lượng một sản phẩm hữu hình và rõ ràng (chương trình môn học và khoá học) là dễ dàng hơn nhiều so với những lĩnh vực không thể nhìn thấy hay ít rõ ràng (quá trình học tập, học nhóm hay quản lý) (COL, 1997). Chất lượng các sản phẩm ĐTDHTX bao gồm giáo trình, số sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ vượt qua các kì thi, số sinh viên tiếp tục học cao hơn, v.v... Chất lượng các quá trình bao trùm các lĩnh vực như quá trình dạy và học, tư vấn sinh viên, phối hợp với chuyên gia biên soạn giáo trình và thiết kế đề thi ở bên ngoài trường đại



học, quan hệ với các trung tâm đại diện, trạm vệ tinh ở các địa phương, quản lý trung tâm thông tin sinh viên v.v... Chất lượng hệ thống sản xuất và phân phối bao gồm: sản xuất khoá học, sản xuất học liệu, sản xuất bài thi và kiểm tra, sắp xếp lịch trình, lưu trữ và quản lý hồ sơ, phân phát giáo trình tới sinh viên, phát thanh và truyền hình các chương trình đào tạo v.v... Chất lượng triết lý giáo dục bao trùm tầm nhìn, sứ mạng; tuyên bố chính sách GDĐHTX; văn hóa tập thể; văn hoá, hình ảnh và điều hành của trường đại học (COL, 1997).

Khi đánh giá chất lượng ĐĐTĐHTX, quan điểm chung là đánh giá các chương trình ĐĐTĐHTX một cách khắt khe như các chương trình GDĐH truyền thống. Các quốc gia khác như Hoa Kỳ, Úc, Canada v.v... đã thực hiện việc đánh giá chất lượng ĐĐTĐHTX khá tốt. Anh Quốc xuất phát từ quan điểm chất lượng ĐĐTĐHTX cần phải được bảo đảm theo cách tương tự như các hình thức đào tạo khác của GDĐH. Đánh giá chất lượng theo quan điểm cơ bản này, Đại học Mở Anh quốc được xếp vào vị trí các trường đại học hàng đầu về chất lượng đào tạo của Anh quốc, và trong 17 môn học được đánh giá tới cuối năm 1999, đa số đạt loại xuất sắc.

### 8. Kết luận

Sự tích hợp của công nghệ vào các phương thức GDĐH đã làm cho chúng trở nên tương đồng với nhau, hướng tới một phương thức đào tạo mềm dẻo và thuận lợi hơn. Ngày càng có sự nhất trí với quan điểm cho rằng phương pháp luận cơ bản của BĐCL là giống nhau cho cả ĐĐTĐHTX và GDĐH truyền thống, tuy nhiên vẫn có ý kiến cho rằng những phương pháp BĐCL trong GDĐH truyền thống hiện nay không đủ để thực hiện BĐCL trong ĐĐTĐHTX, và bảo đảm chất lượng ĐĐTĐHTX phải được tiếp cận bằng những phương pháp khác. BĐCL trong GDĐHTX có sự thay đổi về phạm vi, lĩnh vực, tiêu chí, chỉ số thực hiện v.v... so với GDĐH truyền thống. Các quốc gia như Anh, Mĩ, Úc, Canada,

Indonesia v.v... đã xác định các phạm vi, lĩnh vực, tiêu chí, chỉ số thực hiện phù hợp với các hình thức ĐĐTĐHTX và đã tiến hành đánh giá bằng những phương pháp khắt khe. Kết quả là chất lượng ĐĐTĐHTX của các quốc gia này luôn luôn được nâng cao và đáp ứng được các yêu cầu của các bên liên đới (Nhà nước, người học, người sử dụng lao động và toàn bộ xã hội).

Ở nước ta, hệ thống BĐCL đã bắt đầu áp dụng trong các cơ sở GDĐH truyền thống, và tiếp theo sẽ là các cơ sở ĐĐTĐHTX. Triển khai hệ thống BĐCL trong các cơ sở ĐĐTĐHTX không chỉ nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo và trách nhiệm giải trình với các bên liên đới, mà còn tạo điều kiện công nhận văn bằng ĐĐTĐHTX như các văn bằng GDĐH truyền thống, tiến tới cấp một loại văn bằng mà không phân biệt phương thức GDĐH.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD - ĐT (2007), *Quyết định số 65 ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2007 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học*, Hà Nội.
2. Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lý Chất lượng Giáo dục Đại học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Xuân Thanh (2005), *Bảo đảm chất lượng GDĐH: Sự vận dụng vào thực tiễn Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục số 115. Hà Nội, 2005.
4. Harman G. (2000), *Developing and Managing Quality Assurance for Higher Education Systems and Institutions in Asia and the Pacific*, Bangkok.
5. Indonesia Turbuka University (2007), *The Practice of a Quality Assurance System in Open and Distance*.
6. Marginson, S. (2002). *Quality Assurance for Distance Learning: Issues for International Discussion and Action*, CHEA International Seminar III on Academic Quality: Policy,
7. Michael G. & Kearsley G., (1996), *Distance Education - A System View*, Wadsworth Publishing Company.
8. QAA (1999), *Guidelines on the Quality Assurance of Distance Learning - March 1999*.

### SUMMARY

*The article addresses the quality assurance of distance higher education in which the author compares the traditional mode with the distance mode and analyses the characteristics of quality assurance in distance higher education.*